

TÍNH TÍCH CỰC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HỌC PHẦN “MÚA CƠ BẢN VÀ BIÊN ĐẠO MÚA THEO TÁC PHẨM ÂM NHẠC MẦM NON” TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

LÊ HOÀI THU

TRẦN THỊ THÚY HÀ

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Nhận bài ngày 08/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 25/02/2026.

Abstract

The course “Basic Dance and Choreography Based on Preschool Musical Works” plays an important role in the training of Early Childhood Education students at Ba Ria - Vung Tau College of Education, as it helps develop artistic competencies and the ability to organize musical activities for children. However, many students still demonstrate limited activeness, self-study, and creativity, which adversely affects training quality and learning outcomes. This study aims to assess the level of students’ active participation in learning, identify its underlying causes, and propose solutions to improve training quality. It also contributes to strengthening the scientific basis for innovating training methods in the field of Early Childhood Education.

Keywords: Active learning, basic dance, choreography, Early Childhood Education, preschool musical works, student activeness, teacher training.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục và Đào tạo được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [3, tr. 78]. Trong bối cảnh đổi mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng cải tiến phương pháp giảng dạy theo nguyên tắc “tích cực hóa hoạt động người học” nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của học sinh, sinh viên (SV), đặc biệt tại các cơ sở đào tạo sư phạm [1, tr. 3]. Quan điểm này tiếp tục được nhấn mạnh trong định hướng xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 [2, tr. 7].

Trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non (GDMN), học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Bà Rịa - Vũng Tàu giữ vị trí quan trọng, góp phần hình thành năng khiếu nghệ thuật, kỹ năng biểu diễn và khả năng biên đạo - những năng lực cốt lõi để tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy SV vẫn còn phụ thuộc nhiều vào giáo viên (GV); tính tích cực nhận thức, khả năng tự nghiên cứu và sáng tạo chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến hạn chế trong chất lượng đầu ra. Tác giả Hoàng Thị Diễm Trinh và cộng sự [6, tr. 121] cho rằng, hoạt động biên soạn múa hiện nay chưa đạt hiệu quả mong muốn do một số hạn chế như: kĩ năng biên soạn múa của GV; sự khác biệt về khả năng tiếp nhận của trẻ; quỹ thời gian tập luyện hạn chế do khối lượng lớn công việc chăm sóc và giáo dục trẻ; tình trạng thiếu tài liệu tham khảo về biên soạn múa. Qua khảo sát thực tế tại Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu, chúng tôi nhận định rằng nếu tình trạng này không được cải thiện thì kỹ năng múa và năng lực nghề nghiệp của SV sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, từ đó tác động tiêu cực đến chất lượng GDMN và sự phát triển toàn diện của trẻ.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo và thực tiễn đào tạo tại Trường, chúng tôi nghiên cứu:

Email: hoaitu.cdspr@gmail.com

“Tích cực của SV ngành GDMN trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non tại Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu” nhằm đánh giá khách quan mức độ tích cực học tập của SV, xác định nguyên nhân hạn chế và đề xuất giải pháp khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo ngành GDMN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về tình hình giảng dạy và học tập học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

2.1.1. Thời lượng, thời gian

Học phần được bố trí giảng dạy vào học kỳ I - năm thứ nhất với tổng thời lượng 60 tiết (tương đương 3 tín chỉ), trong đó có 30 giờ lý thuyết và 26 giờ thực hành, thảo luận, bài tập [7, tr. 8]. Học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng nền tảng về nghệ thuật múa, khả năng biên soạn các bài múa vận động theo nhạc và dàn dựng các chương trình văn nghệ phù hợp cho trẻ ở trường mầm non. Việc nắm bắt thực trạng dạy và học học phần này từ cả góc độ người dạy và người học sẽ là căn cứ để chúng tôi đề xuất các giải pháp cải thiện chất lượng dạy học.

2.1.2. Nội dung

Học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non là một thành phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành GDMN, đóng vai trò bồi dưỡng kỹ năng nghệ thuật và góp phần hình thành khả năng tham gia hoạt động nghệ thuật múa không chuyên phục vụ cho hoạt động giáo dục trẻ mầm non và tham gia các hoạt động văn nghệ phục vụ đời sống xã hội đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ công tác ở các trường mầm non [4, tr. 5].

Chương trình học phần được thiết kế dựa trên các định hướng ứng dụng và gắn với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Cấu trúc nội dung học phần bao gồm:

Nội dung 1: Múa cơ bản: SV hiểu những vấn đề chung về nghệ thuật múa cơ bản, được tiếp cận và rèn luyện hệ thống các động tác múa nền tảng mang đặc trưng của các dân tộc Kinh, Thái, H'Mông, Tày, bao gồm các kỹ thuật: Bước, xoay, nhún, chuyển trọng tâm, điều phối tay - mắt, phối hợp giữa vận động cơ thể và nhạc điệu. Thông qua quá trình luyện tập, SV từng bước hình thành năng lực điều khiển cơ thể linh hoạt, uyển chuyển theo tiết tấu âm nhạc, phát triển khả năng cảm thụ nghệ thuật vận động. Giai đoạn này đóng vai trò như nền móng căn bản, góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả biểu diễn cũng như chất lượng biên đạo ở nội dung tiếp theo [5, tr. 20-33].

Nội dung 2: Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non: + Biên soạn bài múa: SV thực hành xây dựng và biên soạn các bài múa dành cho trẻ mầm non ở nhiều độ tuổi khác nhau trong các tiết học âm nhạc, dựa trên đặc trưng của từng thể loại âm nhạc như: Giai điệu trữ tình, hành khúc, hoặc mang sắc thái vui tươi, sinh động. Thông qua quá trình này, SV được rèn luyện tư duy sáng tạo nghệ thuật, năng lực cảm thụ âm nhạc và kỹ năng trình bày bố cục động tác một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và khả năng vận động của trẻ mầm non [5, tr. 67-70]; + Biên đạo múa tác phẩm âm nhạc mầm non: Đây là nội dung trọng tâm và có tính tích hợp cao. SV được hướng dẫn lựa chọn, phân tích nội dung ca từ, tiết tấu, hình tượng nghệ thuật trong các bài hát thiếu nhi nhằm khai thác tối đa yếu tố thẩm mỹ, giáo dục [5, tr. 155]. Đặc biệt, SV còn được hướng dẫn phân bố và tổ chức đội hình di chuyển phù hợp trong quá trình biểu diễn như: Đội hình chữ V, hình vòng tròn, hàng ngang, hàng dọc, hay đội hình kết hợp động - tĩnh [5, tr. 166-180]. Việc thay đổi đội hình không chỉ tăng tính thẩm mỹ cho bài múa mà còn góp phần rèn luyện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cá nhân trong nhóm, tạo điều kiện để trẻ làm quen với kỹ năng biểu diễn tập thể, phát triển cảm giác không gian và hướng vận động. Từ đó xây dựng các tiết mục múa phù hợp với tâm lý, sở thích và khả năng cảm thụ của trẻ mầm non.

2.1.3. Đặc điểm đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên (GV) đảm nhiệm học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non chủ yếu từ chuyên ngành GDMN, không được đào tạo chuyên sâu về múa. Theo khảo sát, khoảng 80% GV là kiêm nhiệm, chỉ khoảng 20% có kinh nghiệm biểu diễn hoặc từng học tập chuyên ngành nghệ thuật. Điều này đặt ra một thách thức đáng kể đối với chất lượng giảng dạy: GV gặp khó

khẩn trong việc truyền đạt kỹ thuật múa đúng chuẩn, hạn chế trong việc phân tích âm nhạc và biên đạo bài bản. Đồng thời, SV ít có cơ hội tiếp cận phong cách biểu diễn chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến khả năng cảm thụ nghệ thuật cũng như tính sáng tạo trong dàn dựng tiết mục.

2.2. Thực trạng tích tích cực của sinh viên trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Mục tiêu khảo sát: Tìm hiểu thực trạng tình hình giảng dạy và học tập học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non tại Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối tượng khảo sát: 05 GV đã và đang dạy học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non; 138 SV khóa 26 và 27 đang theo học ngành GDMN.

Địa bàn khảo sát: Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non

Về phía GV, toàn bộ 05/05 GV (100%) đánh giá học phần "Là môn học thiết thực, cần thiết". Phía SV, đa số SV (119/138 SV, chiếm 86.2%) cũng đánh giá học phần "Là môn học thiết thực, cần thiết". Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận nhỏ SV có cái nhìn khác, với 14/138 SV (10.1%) đánh giá "Là môn học có cũng được, không có cũng được" và 02/138 SV (1.4%) đánh giá "Là môn học không thiết thực, không cần thiết". Có 01 SV đánh giá "Bình thường" (0.7%) và 01 SV đánh giá "Rất cần thiết" (0.7%), ý kiến này cũng nằm trong nhóm coi trọng học phần. Điều này cho thấy có sự đồng thuận cao giữa GV và đại đa số SV về tính cần thiết của học phần. Tuy nhiên, sự tồn tại của một bộ phận SV chưa nhận thấy rõ tầm quan trọng cho thấy cần có biện pháp nhấn mạnh và minh họa rõ hơn tính ứng dụng thực tế của học phần vào các hoạt động ở trường mầm non để SV nhận thức chính xác về mức độ quan trọng của học phần trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non.

2.2.2. Về mức độ hứng thú và tích cực của sinh viên trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non

a. *Về mức độ hứng thú:* SV tự đánh giá mức độ hứng thú 52/138 SV (37.7%) cho rằng mình rất yêu thích học phần này, chủ động tìm hiểu, tham gia sôi nổi và chờ đợi mỗi buổi học. Có 47/138 SV (34.1%) có quan tâm và thấy nội dung học hấp dẫn, sẵn sàng tham gia tích cực vào các hoạt động; 28/138 SV (20.3%) cho rằng bản thân cảm thấy bình thường với học phần, thỉnh thoảng cảm thấy thú vị nhưng không đặc biệt thích hay ghét, thái độ trung lập; vẫn có 09/138 SV (6.5%) ít quan tâm học phần, học vì bắt buộc, không thấy hấp dẫn, thường thiếu tập trung trong học tập; Thậm chí có 02/138 SV (1.4%) cảm thấy chán nản, không muốn tham gia học tập. Trong khi đó nhận xét của GV về mức độ hứng thú của SV có phần thấp hơn. Chỉ 40% GV cho biết SV "Hứng thú", trong khi phần lớn (60%) đánh giá độ mức độ hứng thú của SV là "Bình thường".

Nguyên nhân của sự khác biệt giữa kết quả tự đánh giá của SV với nhận xét của GV có thể đến từ việc SV mặc dù có yêu thích với môn học nhưng trong quá trình học tập sự yêu thích môn học chưa được thể hiện một cách rõ ràng dẫn đến GV không nhận thấy được sự yêu thích đó. Điều này còn thể hiện niềm yêu thích nội tại của SV có thể chưa được chuyển hóa đầy đủ thành các hành vi học tập tích cực và dễ nhận thấy trong suốt quá trình học tập. Điều này được khẳng định trong kết quả khảo sát mức độ tích cực của SV trong học phần này.

b. *Về tính tích cực:* SV tự nhận xét bản thân có tích cực trong hoạt động và thực hiện các bài tập thực hành. Phần lớn SV cho biết mình chủ động trong học tập, sẵn sàng hợp tác và thường xuyên tham gia thảo luận, thực hành. Cụ thể, có 10,9% SV tự xếp loại "Rất tích cực", cho rằng mình luôn hứng khởi, chủ động tìm hiểu, sáng tạo trong quá trình học tập và truyền cảm hứng cho lớp; 58% SV tự xếp mức "Tích cực" - chủ động học tập, sẵn sàng hợp tác, thường xuyên tham gia thảo luận và thực hành tốt; bên cạnh đó vẫn có 24,6% SV tự nhận mình có tham gia nhưng không nổi bật, thực hiện nhiệm vụ đúng yêu cầu nhưng chưa chủ động. Có một tỷ lệ rất nhỏ (4,3%) tự nhận là bản thân "Không tích cực" - Tham gia thiếu chủ động trong quá trình học tập và vẫn có 3/138 SV chiếm 2,2% tự nhận định mình hoàn toàn thụ động, ít hoặc không tham gia vào các hoạt động học tập.

Biểu hiện phổ biến của SV khi học học phần: Qua nghiên cứu cho thấy 3 biểu hiện thường có nhất của

SV trong khi học học phần này được xếp lần lượt như sau: SV tích cực, luôn chủ động thực hành, luyện tập: 85/138 SV (61.6%); Chủ động luyện tập thêm ngoài giờ học: 50/138 SV (36.2%); Thường xuyên trợ giúp, hỗ trợ bạn bè trong luyện tập: 47/138 SV (34.1%). Như vậy, biểu hiện tích cực của SV trong học phần chủ yếu là thể hiện mình có chủ động luyện tập, trong khi đó các biểu hiện tích cực trong giờ học như trao đổi với thầy cô, đóng góp ý kiến trong xây dựng bài lại rất ít. Chỉ có 29% có biểu hiện tích cực đóng góp ý kiến, thể hiện sự sáng tạo và việc chủ động đặt câu hỏi, trao đổi với thầy cô cũng chỉ chiếm 18.8%. Thậm chí vẫn có 8% lựa chọn “Thụ động, chỉ thực hành luyện tập khi GV yêu cầu, giám sát”; 4,3% lựa chọn “Thực hành, luyện tập hời hợt, mang tính đối phó”. Các hình thức học tập học tập SV sử dụng trong quá trình học tập là: 49.3% SV nhờ bạn bè và GV hướng dẫn thêm; ôn luyện bài cũ trước khi lên lớp có 48.6% SV chọn; có 37.0% SV tham khảo hướng dẫn, video trực tuyến; Chỉ có 12.3% SV có chuẩn bị bài mới, tìm hiểu và tập luyện động tác mới trước khi lên lớp.

Mức độ luyện tập thực tế của SV: Mặc dù tự đánh giá mức độ hứng thú và tích cực trong học tập học phần này khá cao nhưng các biểu hiện tích cực và tần suất luyện tập của SV trong quá trình luyện tập lại chỉ ở mức chủ động tham gia và gần 40,6% SV vẫn chỉ luyện tập khi có bài kiểm tra, có SV chỉ luyện tập khi đến kỳ thi kết thúc học phần, thậm chí có SV tự nhận định mình chưa bao giờ luyện tập (1,4%). Điều này cho thấy tính tích cực mà SV thể hiện có thể đáp ứng một phần các yêu cầu được đặt ra trong lớp học chứ không phải là tính chủ động, tự giác trong học tập một cách tốt nhất như mong đợi từ phía GV.

2.2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập của sinh viên trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non

a. Yếu tố chủ quan: Cả 05/05 GV (100%) đều cho rằng việc hạn chế về năng khiếu và thiếu tự tin, ngại thể hiện trước đám đông là những yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất đến chất lượng học tập của sinh viên, bên cạnh đó thiếu phương pháp học tập/kỹ năng tự học cũng là yếu tố được 04/05 GV (80%) chọn. Điều này cũng gần tương đồng với kết quả tự đánh giá từ phía SV. Ba yếu tố được lựa chọn nhiều nhất lần lượt là: Thiếu tự tin, ngại thể hiện trước đám đông: 68/138 SV (49.3%), hạn chế về năng khiếu của bản thân: 45/138 SV (32.6%) và thiếu phương pháp học tập/kỹ năng tự học: 31/138 SV (22.5%). Việc thiếu tự tin, ngại thể hiện trước đám đông sẽ khiến SV gặp nhiều khó khăn trong việc học, SV không tự tin tập luyện, không thể hiện được hết khả năng của mình trong quá trình học. Nguyên nhân có thể do học phần múa được học ngay từ học kỳ I của năm thứ nhất, SV mới vào nhập học còn chưa quen bạn bè, thầy cô nên còn ngại ngùng. Hơn nữa, hạn chế về năng khiếu cũng là yếu tố khiến SV cảm thấy thiếu tự tin khi thể hiện bản thân. Trong những năm gần đây, việc xét tuyển SV vào học ngành GDMN đã không còn tổ hợp M (Toán - Văn - Năng khiếu), nghĩa là kết quả tuyển sinh vào học hoàn toàn không xét đến yếu tố năng khiếu của học sinh. Vì vậy, rất nhiều SV khi vào học mặc dù kết quả xét tuyển khá cao nhưng lại không có năng khiếu múa, hát. Khi vào học có thể học khá tốt các môn học thuật nhưng lại gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập học phần mang tính chất năng khiếu chuyên ngành, đặc biệt là học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non.

b. Yếu tố khách quan: Phía GV (Chọn tối đa 3): 04/05 GV (66.7%) chọn “Thiếu tài liệu, giáo trình, video để tham khảo”. 03/05 GV (50%) chọn “Cơ sở vật chất (Phòng múa, đạo cụ...) chưa đáp ứng” và “Phương pháp kiểm tra, đánh giá của GV còn chưa phù hợp”; 03/05 GV (33.3%) chọn “Phương pháp giảng dạy của GV chưa hiệu quả”; 01/05 GV (16.7%) chọn “Nội dung môn học khó”.

P phía SV (Chọn tối đa 3): 48/138 SV (34,8%) chọn “Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu”. Tiếp theo là “Thiếu tài liệu, giáo trình, video tham khảo” được 44/138 SV (31,9%). Ngoài ra, “Nội dung môn học được đánh giá là khó” bởi 31/138 SV (22,5%). Một số SV cũng cho rằng “Phương pháp kiểm tra, đánh giá của GV chưa phù hợp” có 21/138 SV (15,2%) và “Phương pháp giảng dạy chưa hiệu quả” có 7/138 SV (5,1%).

Về yếu tố khách quan, cả hai phía đều nhấn mạnh vấn đề thiếu tài liệu và cơ sở vật chất. Ngoài ra, SV còn cho rằng nội dung môn học khá khó và phương pháp kiểm tra, đánh giá của GV hiện nay chưa phù hợp. Có 44/138 SV (31.9%) xác định “Thiếu tài liệu, giáo trình, video để tham khảo” là yếu tố khách quan ảnh hưởng đến quá trình học tập của bản thân và 80% GV cũng có nhận định như vậy. Sự thiếu hụt tài liệu, giáo trình, video tham khảo là một vấn đề khách quan được xác nhận bởi cả GV và một tỷ lệ đáng

kể SV. Điều này buộc SV phải tìm kiếm các nguồn hỗ trợ khác như nhờ bạn bè/GV hướng dẫn hoặc tìm video trực tuyến. Việc tăng cường cung cấp các nguồn tài liệu chính thống và dễ tiếp cận là giải pháp cần thiết hiện nay. Bên cạnh đó, cả GV và SV đều cho rằng cơ sở vật chất (Phòng múa, đạo cụ...) chưa đáp ứng với nhu cầu học tập. Một số SV kiến nghị về cơ sở vật chất bao gồm: Cung cấp thêm cơ sở vật chất (dụng cụ múa, gương...), sửa lại phòng múa cho rộng rãi và mát mẻ hơn vì buổi chiều nắng chiếu trực tiếp vào khiến phòng học rất nóng và nóng; sắm loa tốt hơn vì loa thường xuyên bị ngắt kết nối Bluetooth trong quá trình sử dụng, Mic không sử dụng được đồng thời khi phát nhạc. Các kiến nghị cụ thể từ SV đã chỉ rõ những thiếu thốn về trang thiết bị cần thiết cho việc luyện tập múa của SV.

Khi được hỏi về những khó khăn trong học tập học phần này, có SV đặc biệt nhấn mạnh là thời gian ít nên chỉ học được các động tác cơ bản, chưa rõ cách áp dụng vào bài hoàn chỉnh để hấp dẫn hơn, dẫn đến mơ hồ khi tham gia hoạt động thực tế tại trường mầm non và không biết cách lắp các động tác đã học vào một bài múa hoàn chỉnh. SV này kiến nghị cần nhiều thời gian học trên lớp hơn và tạo điều kiện áp dụng các động tác vào các bài theo chủ đề mầm non. Khó khăn trong việc nắm vững động tác cơ bản và đặc biệt là áp dụng chúng vào biên đạo/dàn dựng hoàn chỉnh một bài hát múa cho trẻ mầm non là vấn đề tồn tại, được cả GV và SV ghi nhận. Kiến nghị của SV về việc tăng thời gian thực hành ứng dụng các động tác là rất xác đáng.

2.2.4. Về mức độ tiến bộ của sinh viên trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non

Tương tự như mức độ hứng thú và tích cực, SV có xu hướng tự đánh giá mức độ tiến bộ của bản thân cao hơn đáng kể so với đánh giá của GV. Cụ thể: 60/138 SV (43.5%) tự đánh giá mức 4 (Tiến bộ); 54/138 SV (39.1%) tự đánh giá mức 5 (Rất tiến bộ); 23/138 SV (16.7%) tự đánh giá mức 3 (Bình thường) và 01/138 SV (0.7%) tự đánh giá mức 1 (Không tiến bộ). Trong khi đó, 80% GV đánh giá ở mức 3 (Bình thường), 20% GV đánh giá mức 2 (Ít tiến bộ). Điều này phản ánh sự khác biệt trong tiêu chí cũng như kỳ vọng về sự tiến bộ của SV giữa GV và SV. Việc đa số GV đánh giá mức tiến bộ ở mức Bình thường hoặc Ít tiến bộ cho thấy kết quả học tập của SV có thể chưa đạt được kỳ vọng từ phía GV. Thực tế một trong những hạn chế của cách đánh giá, kiểm tra của GV hiện nay là đánh giá dựa trên kết quả hoạt động nhóm khá nhiều, điều này dẫn đến SV bị ỉ lại và phụ thuộc vào các bạn khá giỏi trong nhóm. Điểm số không đánh giá đúng năng lực thực tiễn của SV. Đa số điểm số do các bạn học tốt trong nhóm quyết định. Vì vậy, những SV còn lại trong nhóm thường có tâm lý hài lòng với kết quả học tập mình có được. Trong khi đó GV có cái nhìn chính xác hơn về năng lực thực tế cũng như sự tiến bộ của SV thể hiện trong suốt quá trình học.

2.2.5. Phương pháp giảng dạy của giảng viên trong học phần Múa cơ bản và Biên đạo múa theo tác phẩm âm nhạc mầm non

Về phía GV: 80% GV đánh giá phương pháp giảng dạy của mình mức 4 “Phù hợp”, 20% GV đánh giá ở mức “Rất phù hợp”. Các GV cho biết biện pháp như: Sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức dạy học, tạo không khí lớp học thoải mái, vui vẻ, tăng cường các hình thức luyện tập nhóm/cá nhân, thường xuyên động viên, khích lệ SV và kiểm tra, đánh giá thường xuyên bằng nhiều hình thức sẽ giúp SV hứng thú hơn với học phần này.

Về phía SV: Phần lớn SV (83.3%) nhận xét phương pháp giảng dạy của GV sinh động, làm mẫu đẹp, tạo hứng thú cho SV và giúp SV dễ tiếp thu kiến thức. Song vẫn có các nhận xét khác như: Phù hợp nhưng đôi lúc thiếu minh họa trực quan: 12/138 SV (8.7%); Thiếu sự đổi mới trong giảng dạy, bài dạy thiếu tính thực hành và tương tác: 07/138 SV (4.3%); Truyền đạt còn khô khan, khó theo dõi và khó hình dung động tác: 04/138 SV (khoảng 2.9%). Mặc dù GV tự đánh giá phương pháp của mình khá phù hợp và đa số SV cũng công nhận sự sinh động, tích cực từ GV, vẫn có một tỷ lệ nhất định SV cảm thấy phương pháp truyền đạt khô khan, thiếu đổi mới hoặc thiếu tính thực hành/tương tác cũng như minh họa trực quan hơn. Vấn đề về phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được nhiều SV chỉ ra là chưa phù hợp. Điều này cho thấy cần có sự rà soát và điều chỉnh phương pháp giảng dạy để phù hợp hơn với đặc thù môn học và nâng cao hiệu quả tiếp thu, đặc biệt là khả năng ứng dụng các động tác vào dàn dựng và biên đạo các bài hát múa cho trẻ ở các hoạt động trong trường mầm non.

Xem tiếp trang 113